

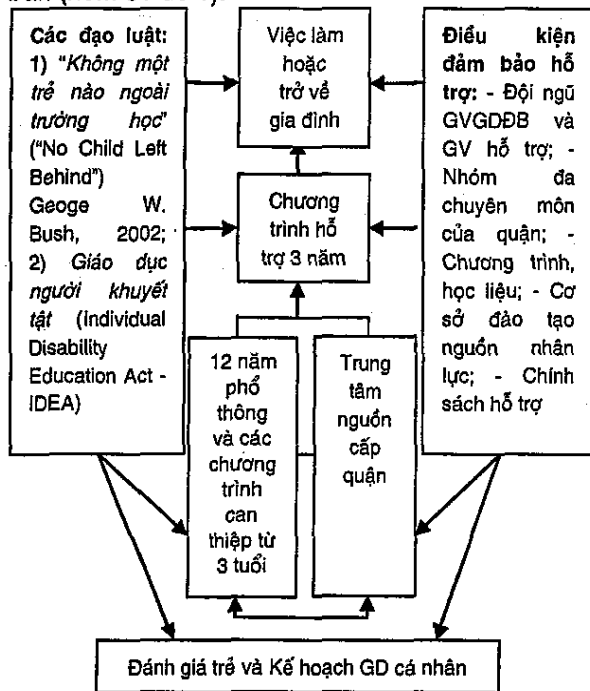
HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRẺ KHUYẾT TẬT CỦA HOA KÌ VÀ MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM

PGS. TS. NGUYỄN XUÂN HẢI*

Theo số liệu báo cáo của các tỉnh, thành phố, năm học 2012-2013, tại Việt Nam có khoảng hơn 500 ngàn trẻ khuyết tật (TKT) hiện đang được đi học ở các trường chuyên biệt và hòa nhập. Với số lượng ngày càng nhiều TKT đến trường, vấn đề đặt ra không chỉ là đảm bảo về số lượng huy động trẻ ra lớp mà còn cần tạo điều kiện các em có thể học tập một cách có chất lượng, có được một cuộc sống độc lập, hòa nhập với cộng đồng, xã hội.

Bài viết này tập trung phản ánh một kết quả nghiên cứu thuộc Đề tài Khoa học Công nghệ cấp Bộ, là sự hợp tác song phương giữa Trường ĐHSP Hà Nội, Trường Đại học Saint Marcos và Trường Đại học Missouri của Hoa Kỳ (1). Nghiên cứu được tiến hành ở 2 trường đại học, 5 trường tiểu học, 4 trường trung học và 1 trung tâm hỗ trợ cấp quận tại bang Texas (Hoa Kỳ) trong thời gian tháng 9 và 10/2013.

1. Các kết quả nghiên cứu thể hiện 3 thành tố cơ bản (xem sơ đồ 1):



Sơ đồ 1. Tổng quan mô hình đảm bảo chất lượng TKT của Hoa Kỳ

1) Các đạo luật

a) Luật "Không một trẻ nào ngoài trường học" (No Child Left Behind Act) liên quan đến giáo dục ở cấp liên bang (ban hành vào năm 2002) tạo ra nhiều thay đổi lớn cũng như nhiều tranh cãi trong giáo dục (GD) công của Hoa Kỳ.

Luật đã thể hiện rõ: nền GD bắt buộc phải đảm bảo tất cả trẻ em - không phân biệt quốc tịch, tôn giáo, ngôn ngữ, điều kiện kinh tế, hoàn cảnh xã hội - đều phải có được nền GD tốt và đạt được kì thi chuẩn; yêu cầu học sinh (HS) và nhà trường phải chứng tỏ sự tiến bộ thỏa đáng qua từng năm học (Adequate Yearly Progress) thông qua việc kiểm tra, đánh giá trình độ theo một "mức thước" căn bản (Standardized Testing).

Luật cũng ủy quyền cho các bang xác định mục tiêu về kết quả học tập mà trẻ em phải đạt về mức độ đọc hiểu, làm toán từ lớp 3-8 và được kiểm định bằng các bài thi được chuẩn hóa. Những biện pháp kiểm định chất lượng các trường này và các biện pháp khác sau đó được thu thập và đưa vào báo cáo hàng năm của bang. Nếu một trường nào đó không chứng tỏ được sự tiến bộ này sẽ đưa vào "danh sách các trường không đạt", bị đăng công báo và cha mẹ HS có quyền chuyển con họ sang học trường khác. Nếu không có sự thay đổi, trường đó sẽ bị tổ chức lại hoặc bị đóng cửa (tuy nhiên, đến nay rất hiếm xảy ra trường hợp này).

Mặc dù hệ thống các trường ở các bang và địa phương có sự linh hoạt đáng kể trong việc cải thiện chất lượng của mình, nhưng Luật quy định HS được chuyển khỏi các trường không đạt chất lượng để và các cơ sở này sẽ không được nhận các khoản hỗ trợ. Phụ huynh có thể chuyển con em sang các trường công khác hoặc các trường bán công. Họ cũng đủ điều kiện để được tư vấn và cung cấp các dịch vụ đặc biệt khác.

b) Luật GD người khuyết tật (Individual Disability Education Act - IDEA) (2) đã quy định tất cả mọi TKT

* Khoa Giáo dục đặc biệt, Trường Đại học sư phạm Hà Nội

đều được hưởng lợi từ “GD công miễn phí phù hợp”; yêu cầu các trường xây dựng kế hoạch GD riêng cho từng trẻ và sắp xếp các em vào môi trường lớp học ít có “rào cản” nhất.

Sau gần 30 năm nghiên cứu và thực hiện, Luật đã chứng minh rằng GD cho TKT sẽ hiệu quả hơn bằng cách: - Đặt kì vọng cao ở trẻ và đảm bảo việc cho trẻ được tiếp cận tối đa với chương trình GD phổ thông; - Tăng cường vai trò của cha mẹ HS và đảm bảo rằng gia đình trẻ có cơ hội tham gia vào việc GD trẻ; - Tạo ra nền GD đặc biệt phù hợp và các dịch vụ có liên quan và các dụng cụ hỗ trợ và giúp đỡ trong lớp học bình thường dành cho TKT, bất cứ khi nào có thể; - Hỗ trợ việc phát triển chuyên môn sâu chất lượng cao cho những người làm việc với TKT.

2) Hệ thống hỗ trợ GD TKT

a) *Đánh giá trẻ và kế hoạch GD cá nhân.* Sau một thời gian học, nếu thấy trẻ không tiến bộ, GV sẽ tiến hành việc đánh giá trẻ. Hội đồng đánh giá gồm: một nhà tâm lí học, một nhà ngôn ngữ, một chuyên gia đánh giá về khả năng đọc, viết của trẻ. Kết luận về tình trạng trẻ phải dựa vào ý kiến của từng thành viên. Sau đó, từng trẻ được lập *Kế hoạch GD cá nhân* với một nhóm “đa chuyên môn” (của quận) gồm 01 GV, 1 nhà tâm lí học, 1 chuyên gia đánh giá và 1 nhân viên hành chính. Hội đồng đánh giá hoạt động hoàn toàn độc lập với các nhà trường. Vì vậy, khi trẻ đến trường, GV đã biết cần làm gì cho trẻ.

Thông thường, bản *Kế hoạch GD cá nhân* của trẻ sẽ được hội đồng chuyên môn quận đánh giá lại vào thời điểm kết thúc năm học. Việc đánh giá kết quả GD hay sự tiến bộ của TKT được thực hiện một lần/tháng, tại phòng máy tính tại nhà trường (hoặc tại gia đình thông qua hệ thống máy tính kết nối chương trình).

b) *Học 12 năm phổ thông hoặc các chương trình can thiệp từ 3 tuổi trở lên.* Trẻ em thường bắt đầu đi học ở nhà mẫu giáo từ khi lên 5 tuổi và tiếp tục học hết trung học (lớp 12) đến 18 tuổi. Cấp tiểu học bắt đầu từ lớp mẫu giáo đến lớp 5 (hoặc lớp 6; một số trường đến lớp 8). Các trường trung học thường bắt đầu từ lớp 9-12 (3).

Có chuẩn kiến thức và kĩ năng chung (của bang) và có nhiều sách giáo khoa khác nhau. Phòng GD-ĐT quận sẽ chọn ra khoảng 20 nhà xuất bản và xin ý kiến của GV trong quận. Quận sẽ lựa chọn sách giáo có nhiều ý kiến lựa chọn để giảng dạy. Thông thường, Phòng GD-ĐT quận tiến hành việc này theo định kì 5 năm/lần đối với tất cả các môn học hoặc cập nhật thường xuyên với từng môn học. Ngoài ra, có rất nhiều học liệu khác hỗ trợ cho dạy và học môn đó (như:

sách bài tập, tài liệu hướng dẫn, đĩa VCD, hệ thống phần mềm máy tính,...). Lớp học được thiết kế theo nội dung môn học chứ không thiết kế theo mô hình một lớp học phục vụ cho việc dạy học nhiều môn học.

TKT sẽ không được học hòa nhập nếu không được một hội đồng gồm GV, cha mẹ và nhân viên hành chính quyết định. Khi đã được quyết định vào lớp hòa nhập, trẻ tiếp tục được xác định vào học từng loại lớp với các trình độ khác nhau, như:

- *Lớp học hòa nhập (inclusion):* TKT học trong môi trường phổ thông, lớp học có một giáo viên giáo dục đặc biệt (GVGDĐB) hỗ trợ riêng trong lớp. Trẻ có 1 lần/tuần ra lớp học riêng để nhận sự hỗ trợ của GVGĐĐB. Lớp không có lớp trưởng hay ban cán sự lớp, mỗi em phải tự quản lí, tự chịu trách nhiệm về bản thân.

- *Lớp học bổ sung nội dung học tập các môn học (content mastery):* dành cho TKT học tập nhẹ, không đòi hỏi trợ giúp cá nhân của một GV đối với một trẻ mỗi ngày.

- *Lớp nguồn (resource classroom):* do 1 GVGĐĐB hướng dẫn cho những TKT học tập với những nội dung các em không thể học được trong lớp học hòa nhập. Với những nội dung khác, trẻ lại trở về lớp học hòa nhập với các bạn khác.

- *Lớp dành cho những TKT nặng (homeroom resource):* TKT phải học cùng với GVGĐĐB tất cả các môn cơ bản (*Toán, Đọc hiểu, Ngôn ngữ, Tự nhiên và Xã hội...*). Các em có thể tham gia các hoạt động học tập, vui chơi khác cùng với các bạn trong trường.

- *Lớp học chuyên biệt (self-class):* dành cho những TKT rất nặng hoặc đòi hỏi có sự hỗ trợ y tế, các em học riêng cả ngày ở lớp học này với sự hỗ trợ của GVGĐĐB (thông thường mỗi lớp có 1 GV chính và 2 (hoặc nhiều hơn) GV hỗ trợ).

- *Lớp chuyển giao (transitional class):* dành cho trẻ học không thành công trong lớp học phổ thông do vấn đề hành vi cảm xúc. Trẻ có thể học trong lớp học này khi gặp các vấn đề/tình huống căng thẳng, sau đó lại chuyển về lớp hòa nhập; hoặc học kết hợp cả hai môi trường.

Thông thường, một lớp học thuộc một trong 6 trình độ trên có từ 5-15 em.

Các lớp học hoà nhập này có đặc điểm: - Không có chương trình dành riêng cho từng trình độ của trẻ; GV hoàn toàn chủ động trong điều chỉnh chương trình cho phù hợp với trình độ của mỗi em, phù hợp với mục tiêu kế hoạch giáo dục cá nhân; - Nội dung dạy học trẻ hoàn toàn phụ thuộc vào trình độ cũng như sự tiến bộ của từng em, không phụ thuộc vào

chương trình chung (không áp dụng đối với các lớp hòa nhập hay chuyển giao).

Ngoài ra, cũng không có trường chuyên biệt dành riêng cho từng loại TKT (tùy theo từng trường mà có các loại hình giáo dục theo 6 chương trình trên); một số các trường có các phòng trị liệu (ngôn ngữ, hành vi, tâm vận động, âm nhạc, kĩ năng sống, kĩ năng nghề nghiệp,...) và phòng tư vấn (tâm lí tình cảm, sự căng thẳng,...) - tùy thuộc vào nhu cầu của từng đối tượng TKT hay trẻ có nhu cầu đặc biệt của nhà trường; không có chính sách "lưu ban" đối với tất cả mọi trẻ, trong đó có TKT (dù trẻ không đạt được chuẩn hay không có tiến bộ, các em vẫn được lên lớp với ý nghĩa là cùng độ tuổi, cùng đặc điểm tâm sinh lí).

c) *Trung tâm nguồn cấp quận*: dành cho những TKT đặc biệt nặng, không thể theo học tại một trong 6 chương trình của trường hòa nhập; là nơi cung cấp các dịch vụ can thiệp, phục hồi chức năng, trị liệu, giáo dục, hướng nghiệp cho TKT. Các trung tâm nguồn này như một hệ thống song song với hệ thống các trường hòa nhập. Sau khi TKT kết thúc 12 năm học ở đây, các em được chuyển tiếp lên chương trình hỗ trợ 3 năm.

d) *Chương trình hỗ trợ 3 năm*. Chương trình hoàn toàn do chính phủ tài trợ về mọi điều kiện tổ chức hoạt động cho các TKT sau khi đã học xong 12 năm ở phổ thông hoặc ở trung tâm nguồn. Các em tiếp tục được trị liệu, học những kĩ năng sống, kĩ năng nghề nghiệp cơ bản trong thời gian 3 năm. Sau thời gian học, chính phủ sẽ hỗ trợ tìm việc làm cho những em có đủ khả năng nghề nghiệp. Những em không có đủ khả năng nghề nghiệp sẽ trở về sống với gia đình sau khi đã nhận được đào tạo về các kĩ năng sống cơ bản (tự phục vụ, làm bếp, giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa,...).

3) *Điều kiện đảm bảo hỗ trợ*. Mỗi trường có ít nhất 01 GVGDĐB và một số GV hỗ trợ (ở cấp trung học sẽ có nhiều hơn; thậm chí có trường có tới 8 GV). Họ chỉ cần tốt nghiệp lớp 12 và được bồi dưỡng cấp chứng chỉ hành nghề; làm việc cả ngày, được đào tạo bài bản (từ các trường đại học/cao đẳng), có nhiều kinh nghiệm và phẩm chất khác. Không có sự phân biệt về chế độ ưu đãi đối với GVGDĐB so với các GV khác.

Quận có nhóm đa chuyên môn, hoạt động có tính chất lưu động, hỗ trợ cho các trường có TKT hoặc trẻ có nhu cầu đặc biệt ở các trường hòa nhập theo định kì và theo nhu cầu TKT của từng trường. Các trường đào tạo GV có chương trình đào tạo GV và nhân viên hỗ trợ GD đặc biệt. Các chương trình này không đào tạo chuyên sâu về một lĩnh vực cho TKT (như khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật trí tuệ,...) mà

theo các lĩnh vực phát triển tâm sinh lí của TKT (như tình cảm - xã hội, nhận thức, hành vi, ngôn ngữ,...).

Bên cạnh đó, nhà trường tổ chức các cuộc họp gia đình HS một năm/lần và các cuộc họp "cộng đồng" (họp định kì 3 tháng/lần hoặc khi cần thiết) gồm cha mẹ TKT và trẻ có nhu cầu đặc biệt, GVGDĐB, tình nguyện viên cùng bàn bạc thảo luận và thống nhất cách chăm sóc, GD, hướng dẫn trẻ tại nhà trường, gia đình.

2. Một số bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam rút ra từ kết quả nghiên cứu

1) *Sự linh hoạt trong việc hiểu khái niệm "GD hòa nhập" ở các nhà trường của Hoa Kỳ* thể hiện ở 6 chương trình GD đặc biệt của mỗi nhà trường. GD hòa nhập có nhiều mức độ khác nhau và mức độ cao nhất là TKT được học cùng với các bạn khác không khuyết tật trong lớp song các em vẫn phải đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng theo quy định chung.

2) *Lớp học được thiết kế theo nội dung môn học* mà không theo mô hình "một lớp học dạy học nhiều môn học". Điều này giúp cho việc tập trung nguồn lực lớp học theo đặc trưng bộ môn; trẻ sẽ di chuyển nhiều từ lớp này sang lớp khác sẽ giúp các em có hứng thú hơn với sự thay đổi không khí, môi trường lớp học thường xuyên trong một ngày học tập tại trường.

3) *Lớp không có lớp trưởng hay ban cán sự lớp mà mỗi HS phải tự quản lí, tự chịu trách nhiệm về bản thân với sự hướng dẫn của GV*. Điều này giúp cho việc hình thành phẩm chất hết sức quan trọng cho trẻ tham gia cuộc sống xã hội, cuộc sống nghề nghiệp khi các em đã trưởng thành.

4) *Mỗi trường có ít nhất một GVGDĐB*, làm việc cả ngày, được đào tạo bài bản (từ các trường đại học/cao đẳng), đồng thời có nhiều kinh nghiệm và phẩm chất khác.

5) *Không phân biệt về chế độ ưu đãi đối với GVGDĐB so với các GV khác*. Họ đều được hưởng chế độ lương phù hợp với trình độ đào tạo, năng lực thực tế và kinh nghiệm nghề nghiệp. Điều này có liên quan đến việc nhìn nhận sự đa dạng của người học mà không có sự phân biệt.

Một số bài học kinh nghiệm trên đây hi vọng sẽ được các nhà quản lí, GV quan tâm, lưu ý trong tiến trình đổi mới căn bản, toàn diện nền GD, trong đó có lĩnh vực GD TKT của Việt Nam giai đoạn hiện nay. □

(1) Đề tài: "Nghiên cứu kinh nghiệm của Hoa Kỳ về đảm bảo chất lượng giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ - giải pháp đề xuất cho Việt Nam". Hợp đồng thực

(Xem tiếp trang 17)

hiện tốt, tất yếu sẽ chọn được những người có năng lực phù hợp với sự phát triển của tổ chức trong đặc thù của khu vực ĐBSCL và trong tương lai. Điều này giúp cho ngành hạn chế lãng phí thời gian và kinh phí tuyển chọn lại sau thời gian tập sự; ĐT lại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; đồng thời giúp cơ quan QL cấp trên trực tiếp không phải chịu áp lực lớn khi vừa trực tiếp QL, vừa thực hiện thay cho các cơ sở cũng như có nhiều thời gian hơn để đầu tư cho chức năng QL hành chính nhằm đảm bảo mục tiêu đổi mới tuyển dụng GV cho các trường sư phạm địa phương. Xu thế này từng bước làm cơ chế QL ngày càng hiệu lực, hiệu quả theo hướng phân cấp QL đảm bảo quyền TC về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Đây còn là động lực để các trường tổ chức hoạt động hiệu quả hơn, có ý thức trách nhiệm hơn đối với các cam kết về chất lượng ĐT của mình với xã hội; từ đó có những giải pháp phù hợp hơn nhằm phát triển năng lực lãnh đạo, QL trong mục tiêu nâng cao chất lượng ĐT. Có nghĩa là, phân cấp QL nhà nước về GD sẽ đi đôi với việc trao quyền và trách nhiệm đầy đủ, đồng bộ, đúng quy định của pháp luật.

Khi nhân loại bước vào nền kinh tế tri thức, GD nước nhà đang trong giai đoạn đổi mới QL để nâng cao chất lượng ĐT đáp ứng yêu cầu xã hội, thì việc phân cấp trong tuyển dụng GV trường CĐSP đủ về số lượng, nâng cao chất lượng và đồng bộ về cơ cấu là một trong những nội dung quan trọng trong đổi mới cơ chế QL về GD. Đổi mới cơ chế QL về GD chỉ thành công khi hệ thống pháp lí đủ mạnh để điều tiết các mối quan hệ giữa cơ quan QL nhà nước về GD với trường CĐSP địa phương đảm bảo các quy luật chi phối hoạt động của hệ thống GD. Cơ sở GDĐH thực hiện TC hoàn toàn không có nghĩa là nằm ngoài sự chi phối của pháp luật. Sự TC có điều kiện này được xác định bởi mối quan hệ giữa Nhà nước - xã hội và cơ sở GDĐH qua cơ chế QL chặt chẽ, khả thi, rõ ràng; trong đó bản thân các đơn vị và từng thành viên trong đó phải được thực hiện quyền TC thật sự, triệt để đồng thời phải chịu trách nhiệm pháp lí đầy đủ trước cơ quan QL và trách nhiệm giải trình với xã hội. Các cơ sở GDĐH sẽ vận hành tốt hơn nếu họ được nắm vận mệnh của chính mình. □

(1) Thomas Estermann & Terhi Nokkala. **University Autonomy in Europe**. Copyright© 2009 by the

European University Association, ISBN: 9789078997160, 2009.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT và Bộ Nội vụ. *Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 hướng dẫn việc thực hiện quyền TC, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo.*
2. Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. *Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.*
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.*

SUMMARY

Autonomy for recruiting the lecturer is indispensable and suitable requirement for developing general trend of recent education, while the college takes responsibility for the entire operations, including the quality of training.

Hệ thống đảm bảo chất lượng...

(Tiếp theo trang 28)

hiện Nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương về khoa học và công nghệ cấp Bộ số 09/2012/HĐ-HTQTSP giữa Bộ GD-ĐT và Trường ĐHSP Hà Nội (ngày 04/3/2012).

(2) **Luật Giáo dục người khuyết tật** (ban hành năm 1975; điều chỉnh năm 2004).

(3) Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. *"Tóm lược giáo dục Hoa Kỳ"* (ấn phẩm của Chương trình Thông tin quốc tế), tháng 9/2008.

SUMMARY

Contents of the article reflects some results of a research at ministerial level under memorandum of understanding between Hanoi National University of Education and Saint Marcos University, Missouri University, USA and some lessons learnt for Vietnam education setting. Main contents are as: 1) the two related laws; 2) Supporting system of education for children with disabilities: (i) Child assessment and Individual education program/plan; (ii) the 12 years at schools and early intervention programs for children at the age of more than 3 years old; (iii) District resource centre; (iv) the 3 year programs; 3) Supporting conditions.